TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **320**/2018/HNGĐ_ST
Ngày: 13/9/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2299/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị X**, sinh năm 1985

Địa chỉ: A4/419, Kp.04, P.Tân Vạn, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn Thanh Y**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 539/A2, ấp Nhị Hòa, xã Hiệp Hòa, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

(bà X xin vắng mặt, ông Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị X trình bày: Bà và ông Trần Văn Thanh Y tự nguyện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2007. Tuy nhiên, từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, ông Y hay rượu chè, hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Y.

Về con chung: bà X và ông Y có hai con chung là Trần Bùi Duy Anh, sinh ngày 18/12/2007 và Trần Bùi Đức Anh, sinh ngày 06/01/2010. Khi ly hôn bà đề

nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên ông Trần Văn Thanh Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của của ông Y về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của các cháu Trần Bùi Duy Anh, sinh ngày 18/12/2007 và Trần Bùi Đức Anh, sinh ngày 06/01/2010, cả hai cháu đều có nguyện vọng được bà X trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho ông ly hôn với ông Trần Văn Thanh Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà X là nguyên đơn, ông Y là bị đơn trong vụ án.

- Ông Y có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn bà X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị X và ông Trần Văn Thanh Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Quang

Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 83/KH, quyển số 01/2007, ngày 17/7/2007, đối chiếu các điều 9, điều 11và điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà X xác định vợ chồng bà phát sinh mâu ngay từ khi kết hôn, cuộc sống không hạnh phúc do ông Y hay rượu chè, không chăm lo cho gia đình. Theo biên bản xác minh ngày 06/8/2018, địa phương xác định không nắm được cuộc sống của bà X ông Y có mâu thuẫn hay không vì họ không báo, tuy nhiên bà X cương quyết ly hôn với ông Y cho thấy tình cảm của vợ chồng không còn. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Y không đến Tòa án làm việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy ông Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà X ông Y có hai con chung là Trần Bùi Duy Anh, sinh ngày 18/12/2007 và Trần Bùi Đức Anh, sinh ngày 06/01/2010, khi ly hôn bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Yêu cầu này của bà X có cơ sở chấp nhận do phù hợp nguyện vọng của hai con chung và thực tế hiện nay hai con chung cũng do bà X nuôi dưỡng. Bà X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung khi ly hôn,về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn bà X là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do ông Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu
- Về án phí: Bà Bùi Thị X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 09, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Áp dụng các điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị X đối với bị đơn ông Trần Văn Thanh Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Bà Bùi Thị X, sinh năm 1985 ly hôn với ông Trần Văn Thanh Y, sinh năm 1984

Về con chung: Giao con chung là Trần Bùi Duy Anh, sinh ngày 18/12/2007 và Trần Bùi Đức Anh, sinh ngày 06/01/2010 cho bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Y không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Y được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Bùi Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 003131 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa
- UBND P.Quang Vinh
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Nhựt